

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

DỰ ÁN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI

6

SÁCH THỬ NGHIỆM

(Tái bản lần thứ nhất
có chỉnh lí, bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thực nghiệm đối với lớp 6 từ năm học 2014 – 2015 với mục tiêu là đổi mới đồng bộ các hoạt động sư phạm trong nhà trường ; bảo đảm cho học sinh được tự quản, tự tin trong học tập, chiếm lĩnh được kiến thức, kĩ năng qua tự học và hoạt động tập thể ; phù hợp với mục tiêu đổi mới và điều kiện về năng lực đội ngũ giáo viên, thiết bị giáo dục của hầu hết các trường học Việt Nam ; đồng thời có giải pháp thu hút các gia đình và cộng đồng tích cực tham gia cùng nhà trường thực hiện chức năng giáo dục.

Thay cho sách giáo khoa hiện hành, học sinh học theo mô hình trường học mới sử dụng sách *Hướng dẫn học* được thiết kế dựa trên chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng tích hợp. Bộ sách gồm 8 môn học : Toán, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên (tích hợp Vật lí, Hoá học, Sinh học) ; Khoa học xã hội (tích hợp Lịch sử, Địa lí), Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học, Hoạt động giáo dục (tích hợp Thể dục, Âm nhạc, Mĩ thuật). Mỗi bài học trong sách *Hướng dẫn học* được biên soạn theo chủ đề tích hợp để có thể tổ chức hoạt động học tích cực, tự lực của học sinh theo các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực với các hoạt động : “Khởi động”, “Hình thành kiến thức”, “Luyện tập”, “Vận dụng”, “Tìm tòi mở rộng”. Hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học cần được thực hiện một cách linh hoạt ở trong lớp, ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng. Các hoạt động học của học sinh được tổ chức trên lớp, cùng với các hoạt động học ở ngoài lớp học tạo thành chuỗi hoạt động học theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng.

Hoạt động “Vận dụng” và “Tìm tòi mở rộng” là các hoạt động chủ yếu giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học, không tổ chức dạy học hoàn toàn trên lớp. Vì vậy nội dung các hoạt động này trong tài liệu *Hướng dẫn học* có thể là cung cấp thông tin bổ sung ; nêu những yêu cầu, định hướng và gợi ý về phương pháp thực hiện ; mô tả sản phẩm học tập phải hoàn thành để học sinh tự phát hiện, lựa chọn tình huống thực tiễn giúp vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được trong bài học và tìm tòi mở rộng theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. Các hoạt động này hết sức cần thiết và quan trọng, giúp cho việc phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, cần phải tổ chức thực hiện đầy đủ và hiệu quả nhưng không yêu cầu tất cả học sinh thực hiện như nhau, sản phẩm học tập của mỗi học sinh trong các hoạt động này cũng không giống nhau.

Trong quá trình biên soạn và triển khai thực nghiệm, các tác giả đã tiếp thu nhiều ý kiến phản hồi và đã hết sức cố gắng chỉnh sửa, hoàn thiện bộ sách. Tuy nhiên, bộ sách chắc chắn không tránh khỏi những điểm còn hạn chế, thiếu sót cần được tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung. Các tác giả bộ sách trân trọng cảm ơn và mong nhận được những ý kiến đóng góp của đồng đạo giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và những người quan tâm để bộ sách ngày càng được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo.

CÁC TÁC GIẢ

BÀI 1. TÌM HIỂU MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI

(2 tiết)

Mục tiêu

Sau bài học, học sinh :

- Biết được cấu trúc của môn Khoa học xã hội lớp 6 ; xây dựng được sơ đồ các nội dung học tập môn Khoa học xã hội lớp 6.
- Nêu được vai trò cơ bản của môn Khoa học xã hội.
- Biết và lựa chọn được phương pháp học tập môn Khoa học xã hội phù hợp với cá nhân.
- Trao đổi với gia đình để xây dựng kế hoạch tự học ở nhà.

A

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Giới thiệu và làm quen với các bạn trong nhóm

1. Chuẩn bị các nội dung về quê hương em hoặc nơi em đang sinh sống để giới thiệu cho các bạn trong nhóm. Có thể theo gợi ý sau :

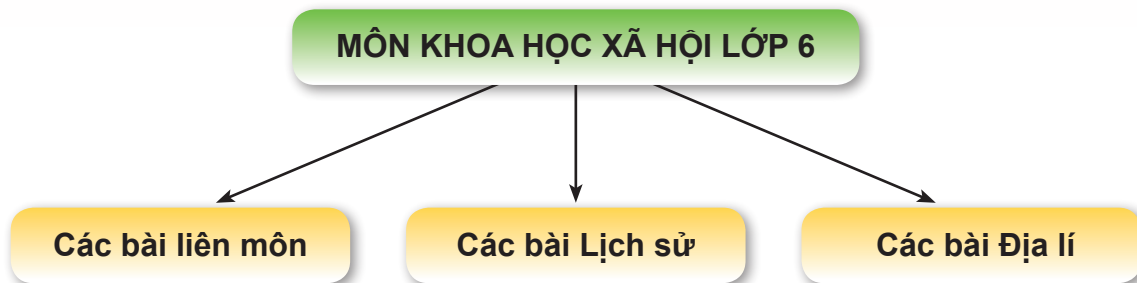
- Địa chỉ quê hương em hoặc địa phương em đang sinh sống : thôn (bản, tổ dân phố), xã (thị trấn, phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).
- Phong cảnh thiên nhiên nổi bật nhất.
- Các di tích lịch sử - văn hoá tiêu biểu nhất, nghề truyền thống (nếu có).

2. Lần lượt giới thiệu cho các bạn trong nhóm nội dung đã chuẩn bị được.

B**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****1. Tìm hiểu về cấu trúc và vai trò cơ bản của môn Khoa học xã hội**

Dựa vào sơ đồ và đọc thông tin dưới đây, hãy cho biết :

- Cấu trúc môn Khoa học xã hội lớp 6 được phân chia như thế nào.
- Vai trò cơ bản của môn Khoa học xã hội.



Sơ đồ cấu trúc môn Khoa học xã hội lớp 6

Môn Khoa học xã hội giúp cho chúng ta có những hiểu biết về Trái Đất, môi trường sống của chúng ta, những kiến thức cơ bản, cần thiết về lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới.

Nhận biết được trên bề mặt Trái Đất, mỗi miền đều có những phong cảnh, đặc điểm tự nhiên, truyền thống văn hoá và lịch sử khác nhau ; con người sinh sống ở các miền ấy cũng có những cách làm ăn, sinh hoạt riêng. Từ đó, chúng ta thêm yêu quê hương, đất nước, truyền thống dân tộc ; có hành động ứng xử đúng đắn với tự nhiên và trong đời sống xã hội.

Trao đổi kết quả làm việc với nhóm bên cạnh và báo cáo với thầy/cô giáo.



2. Tìm hiểu về tự học

Đọc thông tin dưới đây và nêu ý kiến của em về các nội dung :

- Thế nào là tự học.
- Để tự học môn Khoa học xã hội có hiệu quả cần phải làm gì.

Học môn Khoa học xã hội như thế nào ?

Cốt lõi của học tập là việc tự học. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn : “...không phải có thầy thì học, thầy không đến thì đùa. Phải biết tự động học tập...”⁽¹⁾. Tự động học tập tức là học tập một cách hoàn toàn tự giác, không đợi ai nhắc nhở, không chờ ai giao nhiệm vụ. Tự học chính là tự quản lí việc học tập, tự mình chủ động xây dựng kế hoạch học tập cho chính mình, rồi tự mình triển khai, thực hiện kế hoạch đó một cách tự giác, tự mình làm chủ thời gian để học và tự mình kiểm tra, đánh giá việc học tập của mình.

Đối với môn Khoa học xã hội, để tự học có hiệu quả cần xây dựng được kế hoạch tự học. Trong kế hoạch cần dành nhiều thời gian hơn cho các bài học dài và khó. Nên áp dụng nhiều phương pháp học khác nhau : thu thập xử lí thông tin từ sách giáo khoa và các nguồn tư liệu ; từ lược đồ, bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, tranh ảnh,... Biết tóm tắt và ghi chép các nội dung chính vào vở. Tích cực trao đổi, thảo luận với bạn bè, hỏi thầy/cô giáo về những điều em chưa hiểu, làm các bài tập thực hành, tự làm bài tập, tự kiểm tra và đánh giá.

Trao đổi với bạn bên cạnh và báo cáo với thầy/cô giáo.

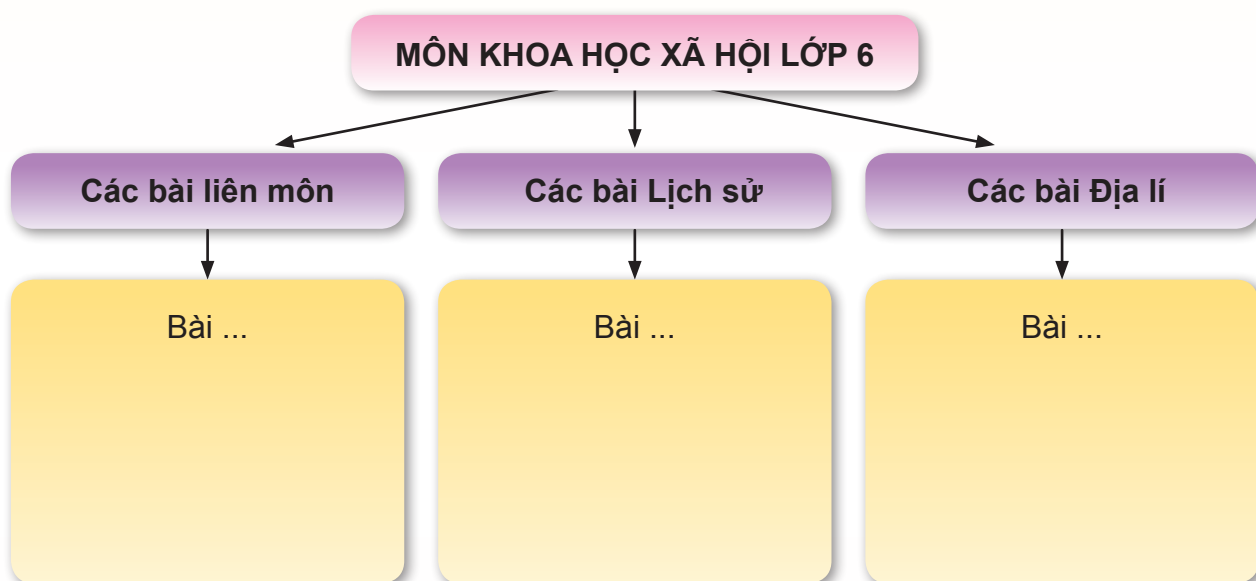
⁽¹⁾ Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, xuất bản lần thứ ba, NXB Chính trị quốc gia, H, 2011, tập 6, tr. 360.

C-D HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

1. Xây dựng sơ đồ nội dung học tập



Dựa vào mục lục sách *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6*, hãy xây dựng sơ đồ các nội dung học tập theo gợi ý sau :



Sơ đồ cấu trúc và nội dung học tập môn Khoa học xã hội lớp 6

Đại diện nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.



2. Lựa chọn phương pháp học tập môn Khoa học xã hội cho bản thân

Liên hệ nội dung của bài học và cách học tập của em đối với môn Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học, hãy :

- Nêu những dự định của em về cách học tập môn Khoa học xã hội lớp 6.
- Cho biết vai trò của cá nhân trong khi tham gia học tập theo nhóm.

Chia sẻ kết quả làm việc với bạn bên cạnh và thầy/cô giáo.

E**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG**

Trao đổi với người thân về phương pháp học tập ở nhà và cùng với người thân xây dựng thời gian biểu tự học ở nhà đối với môn Khoa học xã hội lớp 6 theo gợi ý sau :

THỜI GIAN BIỂU TỰ HỌC Ở NHÀ MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI LỚP 6

Tuần	Thứ	Giờ	Nội dung tự học
1			
2			
3			
4			
...			

Chia sẻ kết quả làm việc với bạn bên cạnh và thầy/cô giáo.

BÀI 2. BẢN ĐỒ VÀ CÁCH SỬ DỤNG BẢN ĐỒ

(3 tiết)

Mục tiêu

Sau bài học, học sinh :

- Nêu được khái niệm bản đồ.
- Biết được hai dạng tỉ lệ bản đồ, ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ.
- Nêu được một số loại, dạng kí hiệu thường được sử dụng để thể hiện các đối tượng địa lí, lịch sử trên bản đồ.
- Tính được khoảng cách trên thực tế và ngược lại dựa vào tỉ lệ bản đồ.
- Sử dụng được bản đồ trong học tập môn Khoa học xã hội và trong đời sống.

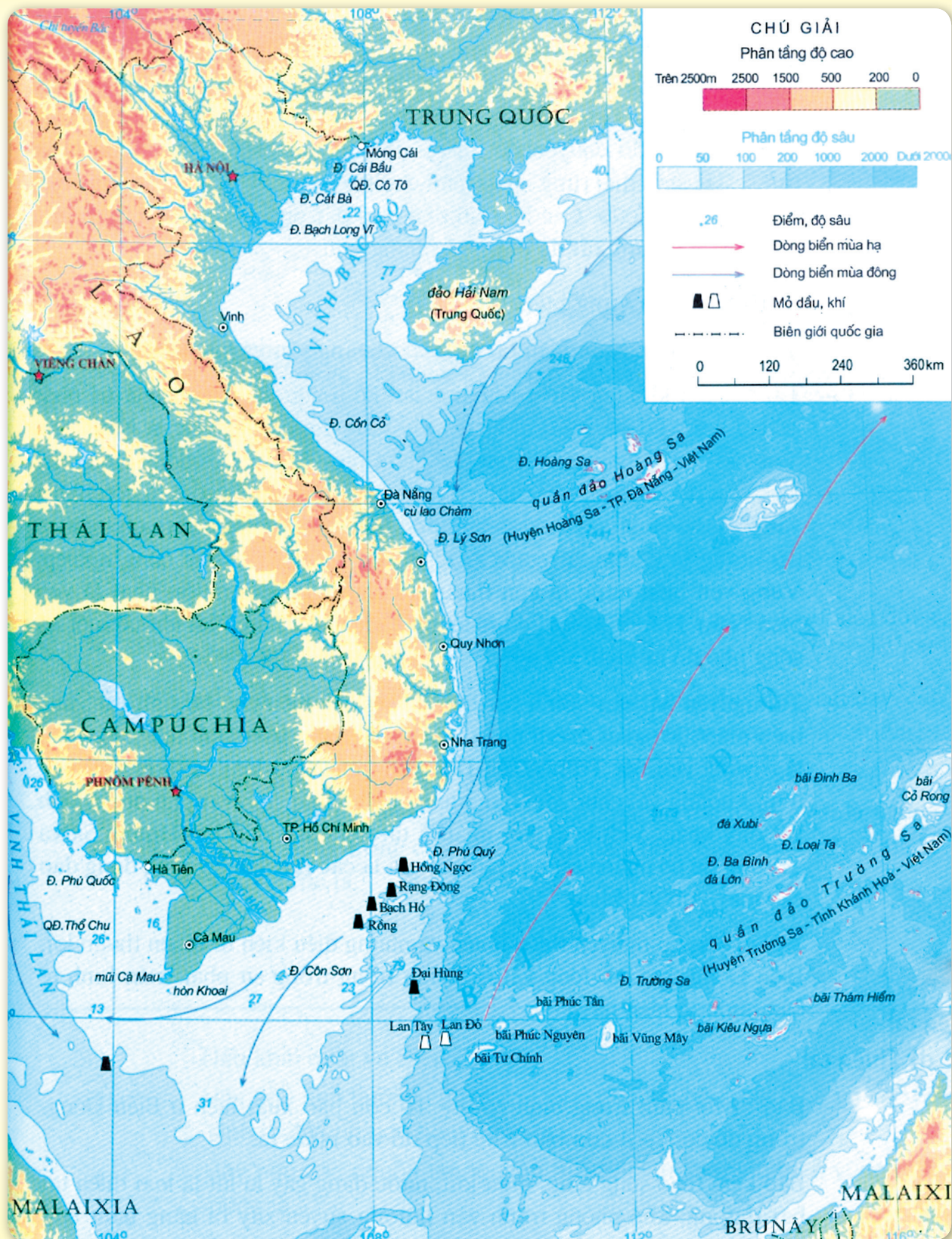
A

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Quan sát bản đồ dưới đây :

- Đọc tên bản đồ và cho biết đối tượng địa lí được thể hiện trên bản đồ là gì, ở đâu.
- Cho biết em đọc được những nội dung gì ở bản đồ hình 1.
- Từ những thông tin thu thập được ở trên, em hãy nêu những hiểu biết của mình về bản đồ.



Hình 1. Bản đồ Địa lí Tự nhiên Việt Nam

B**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****1. Tìm hiểu về bản đồ và tỉ lệ bản đồ****a) Tìm hiểu khái niệm bản đồ**

So sánh kết quả làm việc ở hoạt động khởi động với khái niệm bản đồ dưới đây và tự sửa chữa.

Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ tương đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất theo một tỉ lệ nhất định.

**b) Tìm hiểu tỉ lệ bản đồ**

Quan sát hình 2 và 3 dưới đây, kết hợp đọc thông tin, hãy cho biết :

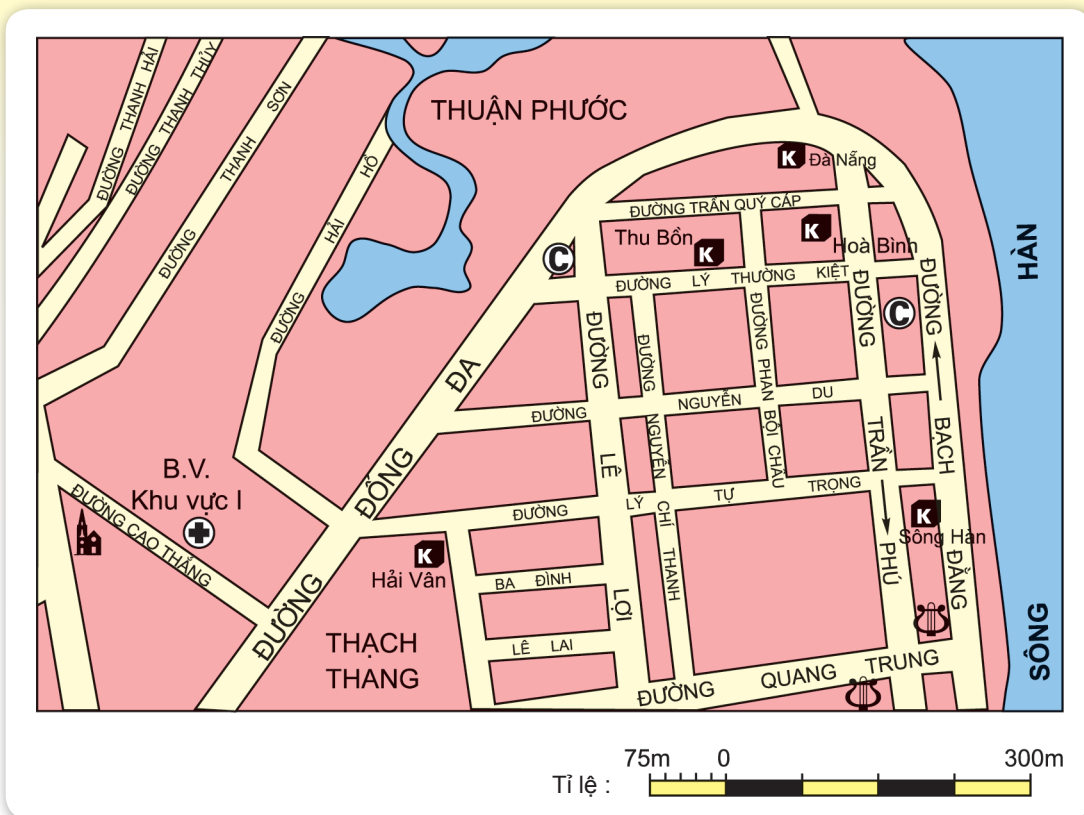
- Sự khác nhau về cách thể hiện tỉ lệ bản đồ ở hai bản đồ ; mỗi xăngtimét trên bản đồ ứng với bao nhiêu mét trên thực địa.
- Bản đồ nào trong hai bản đồ có tỉ lệ lớn hơn và bản đồ nào thể hiện đối tượng địa lí chi tiết hơn.
- Ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ.

CHÚ GIẢI	
	Đường một chiều
	Chợ, cửa hàng
	Bệnh viện
	Câu lạc bộ
	Khách sạn
	Nhà thờ



Tỉ lệ : 1:15.000

Hình 2. Bản đồ một khu vực của thành phố Đà Nẵng



Hình 3. Bản đồ một khu vực của thành phố Đà Nẵng

Tỉ lệ bản đồ cho biết các khoảng cách, kích thước của khu vực được thể hiện trên bản đồ đã thu nhỏ bao nhiêu lần so với khoảng cách, kích thước thực của chúng trên thực địa.

Tỉ lệ bản đồ được biểu hiện ở hai dạng : tỉ lệ số và tỉ lệ thước. Tỉ lệ số là một phân số luôn có tử số là 1, mẫu số càng lớn thì tỉ lệ càng nhỏ và ngược lại. Tỉ lệ thước là tỉ lệ được vẽ cụ thể dưới dạng một thước đo đã tính sẵn, mỗi đoạn đều ghi số đo độ dài tương ứng trên thực địa.

Tỉ lệ bản đồ càng lớn thì mức độ chi tiết của nội dung bản đồ càng cao.

Báo cáo kết quả làm việc với thầy/cô giáo.

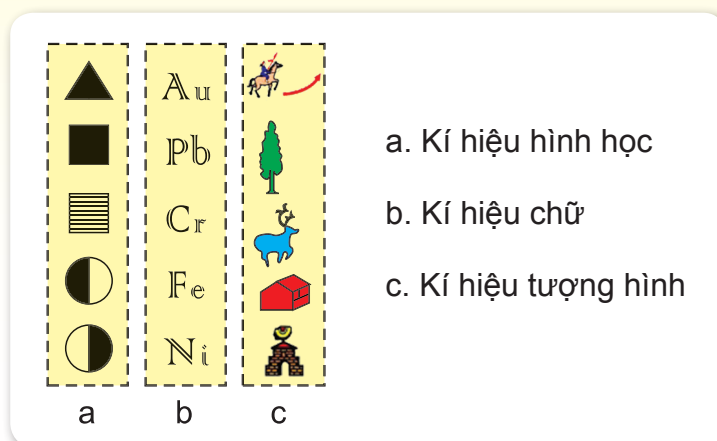


2. Nhận biết kí hiệu bản đồ

Quan sát các hình 4 và 5, hãy :

– Cho biết các loại và các dạng kí hiệu nào thường được sử dụng để thể hiện các đối tượng địa lí, lịch sử trên bản đồ.

– Kể tên một số đối tượng địa lí, lịch sử được thể hiện trên bản đồ bằng kí hiệu điểm, kí hiệu đường và kí hiệu diện tích.



Hình 4. Các dạng kí hiệu

A Kí hiệu điểm	 Sân bay, cảng biển  Nhà máy thủy điện  Nhà máy nhiệt điện  Nơi tìm thấy trống đồng Đông Sơn
B Kí hiệu đường	 Biên giới quốc gia  Ranh giới tỉnh  Đường ô tô  Hướng tấn công của Hai Bà Trưng
C Kí hiệu diện tích	 Vùng trồng lúa  Vùng trồng cây công nghiệp  Địa bàn văn hoá Đông Sơn

Hình 5. Các loại kí hiệu

Báo cáo kết quả làm việc với thầy/cô giáo.



3. Tìm hiểu cách sử dụng bản đồ

Cùng đọc bảng dưới đây và sắp xếp các bước sử dụng bản đồ theo thứ tự 1, 2, 3, 4 sao cho hợp lí.

Thứ tự	Các bước sử dụng bản đồ
	Đọc tên bản đồ để biết đối tượng lịch sử, địa lí được thể hiện trên bản đồ là gì (nội dung bản đồ).
	Tìm và xác định vị trí của các đối tượng lịch sử, địa lí trên bản đồ dựa vào kí hiệu và màu sắc thể hiện.
	Xem bảng chú giải để biết các kí hiệu, màu sắc thể hiện các đối tượng lịch sử, địa lí trên bản đồ.
	Dựa vào bản đồ để trình bày diễn biến của các cuộc khởi nghĩa, chiến dịch lịch sử ; tìm ra một số đặc điểm của các đối tượng địa lí và xác lập các mối liên hệ đơn giản giữa các đối tượng địa lí.

Báo cáo kết quả làm việc với thầy/cô giáo.

C HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



1. Trao đổi, cùng giải bài tập sau :

a) Căn cứ vào tỉ lệ bản đồ ở hình 3, đo và tính khoảng cách trên thực địa theo đường chim bay từ :

- Khách sạn Hải Vân đến khách sạn Thu Bồn.
- Khách sạn Hoà Bình đến khách sạn Sông Hàn.

b) Khoảng cách trên thực địa theo đường chim bay từ thành phố C đến thành phố D là 318km, khoảng cách giữa hai thành phố đó đo được trên bản đồ là 10,6cm. Vậy bản đồ này có tỉ lệ là bao nhiêu ?

2. Quan sát hình 6, thảo luận và trả lời các câu hỏi :

- a) Bản đồ thể hiện nội dung gì ?
- b) Có các loại và dạng kí hiệu nào được sử dụng để thể hiện các đối tượng lịch sử trên bản đồ ?



Hình 6. Bản đồ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40

So sánh kết quả làm việc với cặp bên cạnh và báo cáo với thầy/cô giáo.

D**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

Em hãy sưu tầm một bản đồ Việt Nam và dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính khoảng cách trên thực tế.

- Kẻ đường thẳng nối từ một đô thị của tỉnh hoặc từ thành phố nơi em sinh sống đến một đô thị hoặc thành phố khác trên bản đồ em sưu tầm được.
- Tính khoảng cách thực tế (theo đường chim bay) giữa hai địa điểm đó.

Chia sẻ kết quả làm việc với người thân và bạn bè.

E**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG**

Tìm hiểu qua sách báo, mạng Internet về vai trò của bản đồ trong đời sống, sản xuất hoặc quân sự và viết một báo cáo ngắn (khoảng 15 dòng) về vấn đề đã tìm hiểu.

Trao đổi kết quả làm việc với bạn và thầy/cô giáo.

BÀI 3. XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

(3 tiết)

Mục tiêu

Sau bài học, học sinh :

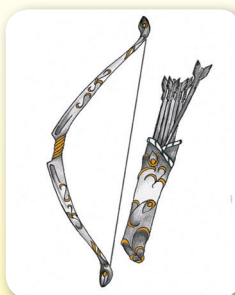
- Biết được nguồn gốc loài người.
- Hiểu được quá trình chuyển biến từ vượn thành người ; những đặc trưng về đời sống vật chất, tổ chức xã hội của con người thời nguyên thủy ; nguyên nhân dẫn tới sự tan rã của xã hội nguyên thủy.
- Biết được những dấu tích của người nguyên thủy trên lãnh thổ Việt Nam.
- Góp phần rèn luyện kỹ năng thuyết trình nội dung lịch sử, kỹ năng quan sát tranh ảnh lịch sử, kỹ năng hợp tác.
- Trân trọng những sáng tạo của con người trong quá trình lao động.

A HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



1. Quan sát hình 1 và trả lời các câu hỏi sau :

- Hãy kể tên các công cụ lao động mà em quan sát được trong hình 1.
- Theo em, với các loại công cụ lao động như trong hình 1, con người có thể kiếm sống như thế nào ?
- Em biết gì về đời sống của con người thời nguyên thủy ?



Hình 1. Một số công cụ lao động thời nguyên thủy

2. Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận với thầy/cô giáo.
3. Thầy/cô giáo nhận xét và hướng học sinh vào bài mới.

B HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



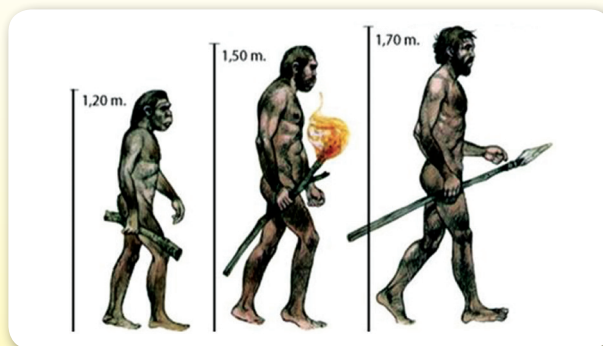
1. Tìm hiểu quá trình chuyển biến từ vượn thành người

- a) Đọc thông tin, kết hợp quan sát hình 2 để trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu sau :
- Quá trình chuyển biến từ vượn thành người trải qua mấy giai đoạn chính ? Đó là những giai đoạn nào ?
 - Qua hình 2, em hãy miêu tả những điểm giống và khác nhau giữa Vượn cổ, Người tối cổ và Người tinh khôn.

Cách đây khoảng 6 triệu năm, loài vượn cổ đã xuất hiện trên Trái Đất. Trong quá trình tìm kiếm thức ăn, loài vượn này dần dần biết đi bằng hai chi sau, dùng hai chi trước để cầm nắm và biết sử dụng những hòn đá, cành cây,... làm công cụ. Loài vượn cổ có thể tích não khoảng 900 cm^3 .

Loài vượn cổ dần chuyển biến thành Người tối cổ (cách đây khoảng 3 - 4 triệu năm). Họ hoàn toàn đi đứng bằng hai chi sau và có thể tích não khoảng $1\,100 \text{ cm}^3$. Những hài cốt của Người tối cổ đã được tìm thấy ở nhiều nơi như : Đông Phi, đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a), Bắc Kinh (Trung Quốc).

Trải qua hàng triệu năm, Người tối cổ dần dần trở thành Người tinh khôn (cách đây khoảng 4 vạn năm). Họ có cấu tạo cơ thể như người ngày nay, đi thẳng, hai tay khéo léo và có thể tích não khoảng $1\,450 \text{ cm}^3$. Những hài cốt của Người tinh khôn đã được tìm thấy ở hầu khắp các châu lục.



Hình 2. Quá trình chuyển biến từ vượn thành người

b) Hoàn thành bảng sau vào vở :

Nội dung	Vượn cổ	Người tối cổ	Người tinh khôn
Thời gian xuất hiện			
Hình dáng			
Thể tích não			

So sánh kết quả làm việc với cặp bên cạnh và báo cáo với thầy/cô giáo.

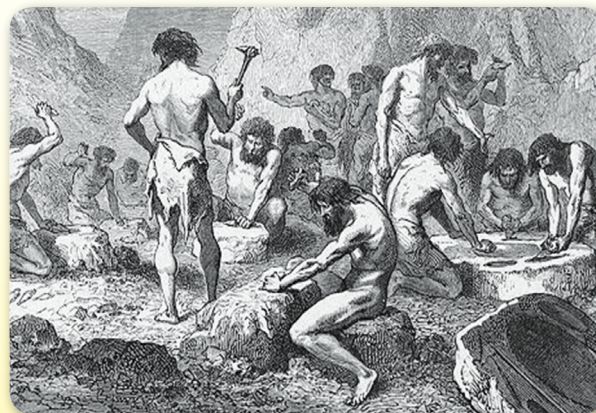


2. Khám phá đời sống con người thời nguyên thủy

a) Đọc đoạn thông tin dưới đây, kết hợp quan sát các hình ảnh để trả lời các câu hỏi sau :

- Tổ chức xã hội của Người tối cổ và Người tinh khôn khác nhau như thế nào ?
- Em hãy nêu nhận xét về tổ chức xã hội thời nguyên thủy.

Người tối cổ sống theo bầy gồm khoảng vài chục người, gọi là bầy người nguyên thủy. Người tinh khôn không sống theo bầy mà theo từng nhóm nhỏ, gồm vài chục gia đình, có họ hàng gần gũi với nhau, gọi là thị tộc. Một số thị tộc sống cạnh nhau, có cùng nguồn gốc tổ tiên xa xôi gọi là bộ lạc. Bộ lạc là tổ chức xã hội gồm những thành viên cùng dòng máu, có ngôn ngữ chung, có tên gọi riêng và có người đứng đầu, gọi là tù trưởng.



Hình 3. Bầy người nguyên thủy



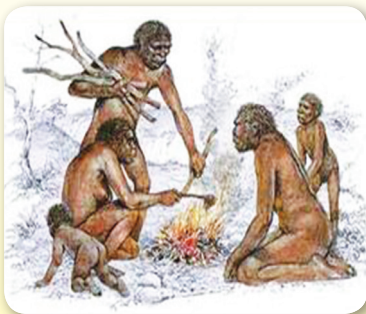
Hình 4. Sinh hoạt của người nguyên thủy

b) Quan sát các hình ảnh, kết hợp với đọc đoạn thông tin dưới đây để trả lời các câu hỏi sau :

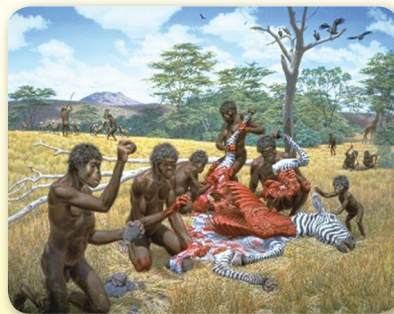
- Người nguyên thủy đã sử dụng những loại công cụ lao động chủ yếu nào ?
- Người nguyên thủy đã kiếm sống như thế nào ? Qua hình 5, 6 và 7, em hãy miêu tả cảnh sinh hoạt của người nguyên thủy.

Trong xã hội nguyên thủy, con người chủ yếu dùng đá để chế tạo công cụ lao động. Người tối cổ biết ghè đẽo đá làm công cụ lao động. Dần dần, họ biết dùng lửa và tạo ra lửa để sưởi ấm, nướng chín thức ăn, xua đuổi thú dữ. Người tinh khôn biết ghè hai rìa của một mảnh đá, làm cho nó gọn và sắc cạnh hơn, dùng làm rìu, dao, nạo. Họ cũng biết làm đồ gốm. Bên cạnh đó, họ cũng đã sáng tạo ra cung tên. Đây là một thành tựu lớn trong quá trình chế tạo công cụ và vũ khí.

Với những loại công cụ lao động như vậy, con người thời nguyên thủy chủ yếu kiếm sống bằng cách săn bắt, săn bắn, hái lượm và bước đầu biết đến trồng trọt, chăn nuôi.



Hình 5. Sử dụng lửa và tạo ra lửa



Hình 6. Xẻ thịt thú rừng làm thức ăn

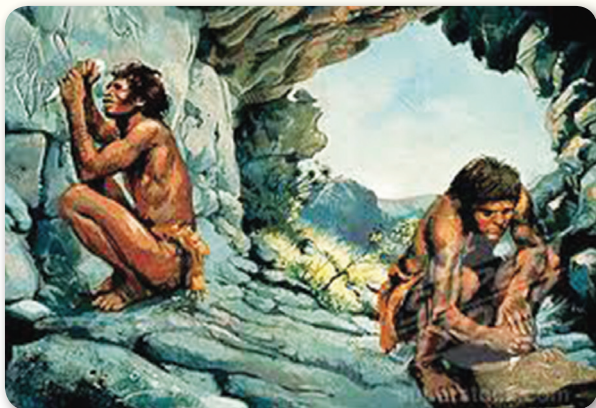


Hình 7. Săn ngựa rừng

c) Quan sát các hình 8, 9, 10, 11 để trả lời các câu hỏi sau :

– Qua hình 8 và 9, em hãy nêu sự thay đổi về nơi ở của người nguyên thủy. Theo em, sự thay đổi đó của người nguyên thủy có ý nghĩa như thế nào ?

– Qua hình 10 và 11, em hãy cho biết về trang phục của người nguyên thủy. Nêu nhận xét của em về trang phục của người nguyên thủy.



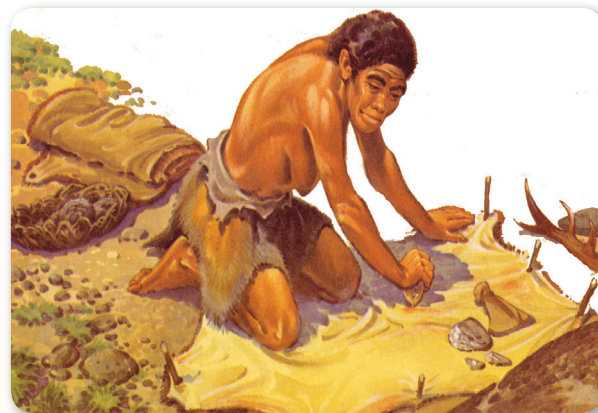
Hình 8. Hang động là nơi ở của người nguyên thủy trong giai đoạn đầu



Hình 9. Làm lều để ở



Hình 10. Làm áo bằng vỏ cây



Hình 11. Làm áo bằng da thú

So sánh kết quả làm việc với nhóm bên cạnh và báo cáo với thầy/cô giáo.



3. Tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới sự tan rã của xã hội nguyên thủy

Quan sát các hình ảnh, kết hợp đọc đoạn thông tin để trả lời các câu hỏi dưới đây :

– Hãy nêu tên các loại công cụ lao động trong hình 12.

– Việc xuất hiện công cụ lao động bằng kim loại dẫn đến hệ quả như thế nào ?



Hình 12. *Cộng cụ lao động bằng kim loại*



Hình 13. *Nghề trồng trọt phát triển*

Đến khoảng thiên niên kỉ IV trước Công nguyên, con người bắt đầu phát hiện ra kim loại và dùng kim loại để chế tạo công cụ lao động (phát hiện ra đồng đỏ cách ngày nay khoảng 5 500 năm, đồng thau cách ngày nay khoảng 4 000 năm, sắt cách ngày nay khoảng 3 000 năm). Nhờ công cụ bằng kim loại mà năng suất lao động tăng lên, không chỉ đủ nuôi sống cộng đồng mà còn dư thừa. Một số người do có khả năng lao động hoặc do chiếm đoạt của cải dư thừa đó, ngày càng trở nên giàu có. Những người trong thị tộc giờ đây không cùng làm chung, ăn chung, hưởng chung. Tính bình đẳng trong xã hội nguyên thủy dần tan vỡ. Xã hội nguyên thủy dần dần tan rã, nhường chỗ cho xã hội có giai cấp.

Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc em đã làm.



4. Khám phá về thời nguyên thủy trên đất nước Việt Nam

Đọc thông tin về những dấu tích của người nguyên thủy trên đất nước ta trong bảng (trang 22) và quan sát các hình ảnh để trả lời các câu hỏi dưới đây :

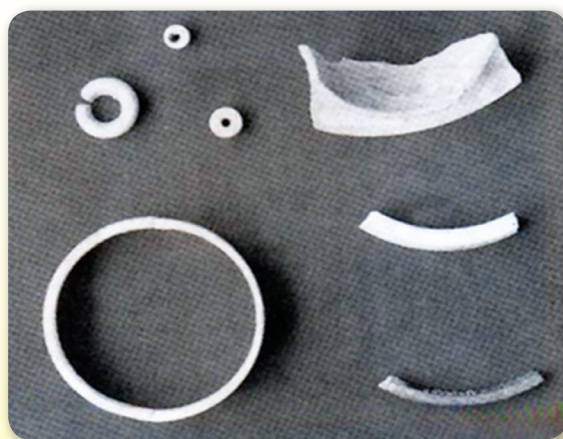
– Qua dấu tích của người nguyên thủy, em có nhận xét gì về địa bàn sinh sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam ?

– Qua hình 15, em hãy kể tên một số đồ trang sức của người Việt thời nguyên thủy. Những đồ trang sức trên phản ánh điều gì về đời sống tinh thần của con người thời nguyên thủy trên đất nước Việt Nam ?

Các giai đoạn	Nơi tìm thấy dấu tích	Thời gian xuất hiện	Đặc điểm công cụ lao động
1. Người tối cổ	Thảm Khuyên, Thảm Hai (Lạng Sơn), Núi Đọ, Quan Yên (Thanh Hoá), Xuân Lộc (Đồng Nai), An Lộc (Bình Phước), Đức Trọng (Lâm Đồng),...	Khoảng 40 - 30 vạn năm cách ngày nay	Công cụ đá ghè đẽo thô sơ
2. Người tinh khôn giai đoạn đầu	Thảm Ôm (Nghệ An), Hang Hùm (Yên Bái), Thung Lang (Ninh Bình), Kéo Lềng (Lạng Sơn), mái đá Ngườm (Thái Nguyên), Sơn Vi (Phú Thọ), Làng Vạc (Nghệ An), Lung Leng (Kon Tum),...	Khoảng 3 - 2 vạn năm cách ngày nay	Rìu đá ghè đẽo thô sơ, có hình thù rõ ràng.
3. Người tinh khôn giai đoạn phát triển	Hoà Bình, Bắc Sơn (Lạng Sơn), Quỳnh Văn (Nghệ An), Hạ Long (Quảng Ninh), Bàu Tró (Quảng Bình), Biễn Hồ (Plây-ku), Lung Leng (Kon Tum),...	Khoảng 12 000 đến 4 000 năm cách ngày nay	Rìu mài ở lưỡi, rìu có vai, công cụ bằng xương, bằng sừng, lưỡi cuốc đá, đồ gốm,...



Hình 14. Rìu đá Núi Đọ



Hình 15. Đồ trang sức của người Việt cổ



Hình 16. Lược đồ một số di chỉ khảo cổ trên đất nước Việt Nam

Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc em đã làm.

C HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



1. Dựa vào thông tin dưới đây, em hãy viết ra một số điểm tâm đắc nhất sau khi học xong bài này.

Cách đây hàng triệu năm, loài vượn cổ đã chuyển biến thành người.

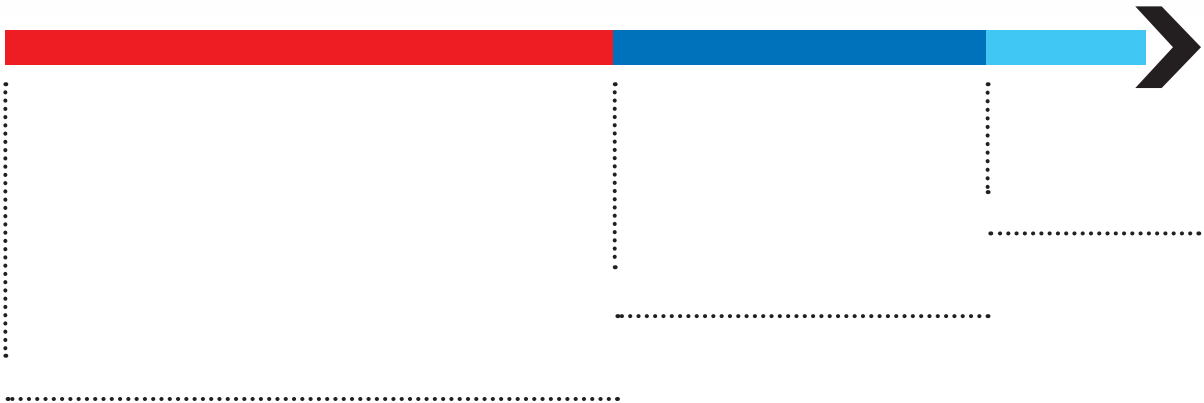
Trong xã hội nguyên thủy, do công cụ lao động thô sơ, chủ yếu bằng đá, tre, gỗ,... nên đời sống con người còn trong tình trạng "ăn lông ở lỗ", bấp bênh và phụ thuộc vào tự nhiên.

Sự xuất hiện công cụ lao động bằng kim loại là nguyên nhân chính làm cho xã hội nguyên thủy tan rã.

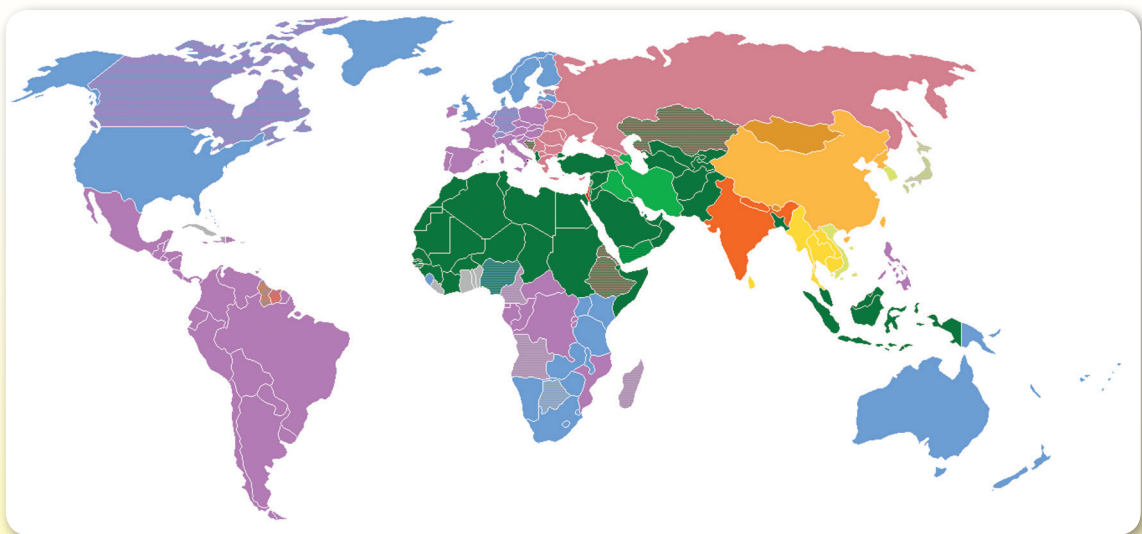
Trên lãnh thổ Việt Nam cũng tìm thấy nhiều dấu tích của người nguyên thủy.



2. Dựa vào nội dung của bài học, em hãy vẽ sơ đồ (theo mẫu) vào vở và hoàn thành sơ đồ về quá trình tiến hoá từ vượn thành người.



3. Hãy xác định trên lược đồ thế giới và ghi vào vở một số địa danh mà các nhà khảo cổ học đã phát hiện ra dấu vết của người nguyên thủy.



Hình 17. Lược đồ thế giới

4. Hãy xác định trên lược đồ hành chính Việt Nam và ghi vào vở một số tỉnh mà các nhà khảo cổ học đã phát hiện ra dấu vết của người nguyên thủy.



Hình 18. Lược đồ hành chính Việt Nam

5. Hãy sắp xếp các hình ảnh dưới đây theo đúng tiến trình chế tác công cụ lao động bằng đá của người nguyên thủy.

A



B



C



D



E



Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc em đã làm.

D

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



1. Cùng với sự hỗ trợ của người thân, thầy/cô giáo và bạn bè, em tìm hiểu và trả lời câu hỏi : Phương tiện giao tiếp của người nguyên thủy là gì ?
2. Em hãy đóng vai trò một nhà nghiên cứu lịch sử “nhí”, giới thiệu cho người thân và bạn bè nội dung sau : đặc điểm về công cụ lao động, cách kiếm sống, nhà ở và trang phục của con người thời nguyên thủy.
3. Hãy viết một lá thư cho người thân và kể cho người đó giờ học lịch sử của em về xã hội nguyên thủy.

Chia sẻ kết quả làm việc với người thân, thầy/cô giáo và bạn bè.

E**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG**

1. Để tìm hiểu sâu sắc hơn về thời nguyên thủy, em có thể tìm đọc cuốn sách và trang web sau :

- *Bách khoa tri thức học sinh*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2013.
- <http://vi.wikipedia.org>.

2. Hãy sưu tầm những câu chuyện dân gian nói về nguồn gốc loài người của một số dân tộc trên thế giới và của cả Việt Nam.

Chia sẻ kết quả làm việc với người thân và thầy/cô giáo.